



VinaCert

www.vinacert.vn
director@vinacert.vn

**QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN
LÝ OH&SMS/ OH&SMS AUDIT AND
CERTIFICATION PROCEDURE**

V00-23

Phiên bản/
Revision: 00

Ngày hiệu lực/ Validated from:
06/04/2019

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
06/04/2019	Ban hành lại/ Re- issued.

Duyệt/Approved by	Hiệu lực/ Validity	Hệ thống/ System	Khả thi/ Feasibility
Ngày/ Date	06/04/2019	05/04/2019	04/04/2019
Ký tên/Signature			
Họ tên/ Full name	Nguyễn Hữu Dũng	Đặng Thị Hương	Trần Thị Trang
Chức danh/ Position	Tổng Giám đốc/ General Director	Giám đốc Chứng nhận/ Certification Director	Trưởng phòng Chứng nhận/ Head of Certification Dept.

1. Tài liệu tham khảo, viện dẫn	1. Cited, reference documents
ISO/IEC 17021-1:2015, ISO/IEC 17021-3:2017; IAF MD 21:2018; IAF MD 22:2018; OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018; ISO/IEC TS 17021-10:2018; V00-10.	ISO/IEC 17021-1:2015, ISO/IEC 17021-3:2017; IAF MD 21:2018; IAF MD 22:2018; OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018; ISO/IEC TS 17021-10:2018; V00-10.
2. Mục đích và phạm vi	2. Purpose and Scope
<p>2.1 Đưa ra các yêu cầu, thủ tục cho việc đánh giá hệ thống quản lý OHSAS 18001:2007, OH&SMS - ISO 45001:2018.</p> <p>2.2 Quy trình này chỉ đưa ra những điểm khác biệt, mang tính đặc trưng cơ bản của việc đánh giá phù hợp tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018. Các yêu cầu khác liên quan đến đánh giá tuân thủ theo quy trình V00-10: Quy trình đánh giá và chứng nhận HTQLCL.</p>	<p>2.1 Issuing requirements and procedures regarding:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Human resource used in activities related to application review, audit, report review; make certification decision have to be followed regulation of ISO/IEC TS 17021-10:2018 - OH&SMS Management System auditing – OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018. <p>2.2 This procedure only indicates the typical and basic differences of the OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018; compliant audit. Other requirements involving with auditing should comply with procedure V00-10: Procedure for Audit and Certification of QMS.</p>
3. Viết tắt và định nghĩa	3. Definitions and Abbreviations
<p>Ngoài các định nghĩa và viết tắt đã được sử dụng trong VMM, V00-10, trong quy trình này sử dụng các từ viết tắt và định nghĩa sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - OHSAS: Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp - OH&SMS: Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - As regulated in VMM and V00-10 - OHSAS: Occupational Health and Safety Assessment Series - OH&SMS: Occupational health and safety management systems

NỘI DUNG		Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
<p>4. NỘI DUNG</p> <p>Ngoài các yêu cầu và trình tự chung đối với đánh giá hệ thống quản lý theo V00-10, hoạt động đánh giá cần tuân thủ các yêu cầu sau đây đối với đánh giá HTQL OHSAS, OH&SMS</p>	<p>CONTENT:</p> <p>Beside general processes as V00-10, with OHSAS, OH&SMS certification needed:</p>		
<p>4.1 CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ</p> <p>Thời gian cho đánh giá xem phụ lục 1.</p> <p>Cá nhân thực hiện xác định thời gian đánh giá sẽ được đào tạo về cách xác định thời gian đánh giá theo Phụ lục 1 của Quy trình này.</p> <p>Từ hồ sơ đăng ký chứng nhận của KH, trưởng PCN sẽ phân công xử lý hồ sơ cho nhân viên có kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực, phạm vi mà KH đăng ký chứng nhận để đảm bảo việc xác định phạm vi đăng ký chứng nhận phù hợp với bối cảnh và lĩnh vực hoạt động của KH, xác định ngày đánh giá, thời lượng đánh giá, đoàn đánh giá phù hợp để tối ưu hoạt động đánh giá chứng nhận theo phạm vi KH đăng ký</p> <p>Phải lưu lại bằng chứng tính toán thời gian đánh giá</p> <p>Xem xét đăng ký chứng nhận cho việc lập chương trình đánh giá lưu ý các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn và các quy định của pháp luật về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; - Các nguyên tắc phân loại mối nguy về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của các loại hình sản xuất và cung cấp dịch vụ; - Nhận diện được mức độ phức tạp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của tổ chức. - Phân loại khách hàng đăng ký chứng nhận trong các lĩnh vực và loại hình OHSAS, OH&SMS; - Các chính sách và thủ tục của VICB liên quan đến việc xem xét đăng ký chứng nhận. 	<p>4.1 AUDIT PROGRAM</p> <p>Refer to Annex 1 for audit time determination.</p> <p>The individual determining the audit time and duration will be trained on how to determine those requirements using Annex 1 in this procedure.</p> <p>Based on the certificatin application, the Head of the PCN will assign the contract to appropriate employee who possess the knowledge and experience relevant to the sector, category that the applicant is seeking certification to ensure that the proposed scope of certification of the client is appropriate within the organization's context and its work related activities, and to determine the audit day, audit time, compenent audit team.</p> <p>The evidences of calculating audit time shall be recorded</p> <p>Application review note to the following contents:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Standards and legitimated laws on OH&SMS; - Principles of classifying OH&SMS hazards from kinds of manufacturing and supply service; - Recognition of the complexity of OH&SMS of the organization. - Classification of types of applicants regarding fields and catagories of OHSAS, OH&SMS - VICB's policies and procedures involving with application reviewing. 	<p>Lựa chọn nhân sự tham gia quá trình chứng nhận và chuyên gia đánh giá theo V01-07, V01-08/ Personnel involve certification activities are chosen follows requirements in V01-07, V01-08 for audit OH&SMS.</p>	<p>PCN</p>

NỘI DUNG		Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đánh giá đa điểm theo Phụ lục 1 của V00-10 - Áp dụng đánh giá tích hợp theo Phụ lục 2 của V00-10 - Thời lượng đánh giá theo Phụ lục 1 của quy trình này 	<ul style="list-style-type: none"> - Application for multi-site audit follow Annex 1 of V00-10 - Application for multi-system integration audit follow Annex 2 of V00-10 - The duration of the audits in Annex 1 of this procedure. 		
4.2 ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION			
<p>4.2.1 Giai đoạn 1</p> <p><i>Đánh giá giai đoạn 1 phải thực hiện tại hiện trường.</i></p> <p>Mục tiêu của đánh giá giai đoạn 1 là xác nhận các yêu cầu về nguồn lực, các yêu cầu pháp lý và sự tuân thủ và hệ thống tài liệu của khách hàng đã sẵn sàng để đánh giá chứng nhận với các nội dung cần xem xét</p> <p>a) Hồ sơ pháp lý của khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận địa điểm cấp giấy chứng nhận giữa thực tế và trên giấy phép đăng ký kinh doanh; - Các yêu cầu pháp lý được nhận diện và sự tuân thủ theo yêu cầu của lĩnh vực đánh giá; - Cam kết của lãnh đạo <p>b) Các yêu cầu của tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách OH&SMS; - Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức; - Sự tham gia và tham vấn của người lao động (Chỉ áp dụng cho ISO 45001:2018); - Hiểu rõ tổ chức và bối cảnh của tổ chức (Chỉ áp dụng cho ISO 45001:2018); - Hiểu về nhu cầu và mong đợi của người lao động và bên quan tâm khác (Chỉ áp dụng cho ISO 45001:2018); - Hoạch định xác định các rủi ro và cơ hội (Chỉ áp dụng cho ISO 45001:2018); - Xác định phạm vi của HTQL OH&SMS; - Nguồn lực; - Xác định các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác; 	<p>4.2.1 Stage 1</p> <p><i>Audit for STage 1 must be done at onsite.</i></p> <p>The objective of Stage 1 auditing is to confirm the resource requirements, legal requirements and compliance and the client documentation system is ready to certification audit with the content to consider.</p> <p>a) Legal documents of clients:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Confirm the place of certification between the actual and the business registration license; - Legal requirements identified and compliance as required by the field of auditing; - Management commitment <p>b) Requirements of the standard:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Occupational Health & Safety Policy; - Organizational roles, responsibilities and authorities; - Consultation and participation of workers (only apply for ISO 45001:2018); - Understanding the organization and its context (only apply for ISO 45001:2018); - Understanding the needs and expectations of workers and other interested parties (only apply for ISO 45001:2018); - Planning for determining the risks and opportunities for the OH&SMS management system (only apply for ISO 45001:2018); - Determining the scope of the 	<p>VinaCert thông báo cho khách hàng rằng kết quả của đánh giá giai đoạn 1 có thể dẫn đến việc trì hoãn hoặc hủy bỏ đánh giá giai đoạn 2 nếu có phát sinh các điểm không phù hợp.</p> <p>Bất cứ phần nào của HTQL OH&SMS được đánh giá trong cuộc đánh giá giai đoạn 1 và được xác định là đã thực hiện đầy đủ, có hiệu lực và phù hợp với các yêu cầu, có thể không cần đánh giá lại trong cuộc đánh giá giai đoạn 2/</p> <p>VinaCert notifies the client that the results of the audit for stage 1 may result in delay or cancellation of Stage 2 certification audit if have NC.</p> <p>Any part of the OH&SMS Management System is audited during the Stage 1 audit</p>	<p>Chuyên gia đánh giá/Auditor</p> <p>F00-23-01 - (OHSAS 18001:2007)</p> <p>F00-23-02 - (ISO 45001:2018)</p>

NỘI DUNG	Diểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
<ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định thực hiện hành động; - Mục tiêu OH&SMS và hoạch định đạt mục tiêu; - Đánh giá nội bộ; - Xem xét của lãnh đạo. <p>VinaCert yêu cầu một phần của hệ HTQL OH&SMS đã được đánh giá kể trên vẫn tiếp tục phù hợp với các yêu cầu chứng nhận. Trong trường hợp này, báo cáo đánh giá giai đoạn 2 cần phải bao gồm các phát hiện và phải làm rõ sự phù hợp đã được thiết lập trong quá trình đánh giá giai đoạn 1</p> <p>Các nội dung khác như quy định trong V00-10</p>	<p>OH&SMS management system;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Resources; - Determination of legal requirements and other requirements; - Planning action; - OH&SMS objectives and planning to achieve them; - Internal audit; - Management review. <p>VinaCert requires that part of the OH&SMS management system that has been audited above continues to conform to certification requirements. In this case, the Stage 2 certification report should include findings and must clarify the conformity established during the Stage 1 evaluation process.</p> <p>Other contents as specified in V00-10</p>	<p>and is determined to be fully implemented, valid and in accordance with the requirements, which may not need to be reevaluated during the stage 2 certification audit.</p>
<p>4.2.2 Giai đoạn 2</p> <p>Các nội dung khác như quy định trong V00-10. Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đánh giá giai đoạn 2 được tiến hành tại cơ sở và các điểm đang hoạt động của khách hàng. b) Chuyên gia đánh giá xem xét đến các nội dung: <p>ISO 45001:2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực; - Nhận thức; - Trao đổi thông tin; - Nhận biết mối nguy và đánh giá rủi ro và cơ hội: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết mối nguy + Đánh giá rủi ro OH&SMS và các rủi ro khác đối với HTQL OH&SMS + Đánh giá cơ hội OH&SMS và các cơ hội khác đối với HTQL OH&SMS - Hoạch định và kiểm soát việc thực hiện <ul style="list-style-type: none"> + Loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro OH&SMS + Quản lý sự thay đổi + Mua sắm 	<p>4.2.3 Stage 2</p> <p>Other contents as specified in V00-10. Note:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Stage 2 certification audit is conducted at onsite and operating points of the client b) The auditor considers the following contents: <p>ISO 45001:2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Competence; - Awareness; - Communication; - Hazard identification and assessment of risks and opportunities <ul style="list-style-type: none"> + Hazard identification + Assessment of OH&SMS risks and other risks to the OH&SMS management system + Assessment of OH&SMS opportunities and other opportunities for the OH&SMS management system - Operational planning and control <ul style="list-style-type: none"> + Eliminating hazards and reducing OH&SMS risks + Management of change 	<p>Chuyên gia đánh giá xác định sự phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018 và các yêu cầu luật định có liên quan đã được áp dụng/ The auditor determines the compliance with the requirements of OHSAS 18001:2007; ISO 45001: 2018 and the relevant statutory requirements have been applied.</p>
		<p>Chuyên gia đánh giá/Auditor</p> <p>F00-23-01 - (OHSAS 18001:2007)</p> <p>F00-23-02 - (ISO 45001:2018)</p>

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
<ul style="list-style-type: none"> ○ Nhà thầu ○ Thuê ngoài - Chuẩn bị sẵn sàng và và ứng phó với tình huống khẩn cấp; - Theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá; - Đánh giá sự tuân thủ; - Sự cố, sự không phù hợp và hành động khắc phục; - Cải tiến liên tục; <p>OHSAS 18001:2007:</p> <p>Hoạch định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện môi nguy, đánh giá môi nguy và xác định các biện pháp kiểm soát; - Các yêu cầu luật định và yêu cầu khác; - Quản lý chương trình và mục tiêu; - Thực hiện và vận hành <ul style="list-style-type: none"> + Đào tạo, nhận thức và năng lực; + Trao đổi thông tin, sự tham gia và hội ý; + Hệ thống tài liệu; + Kiểm soát tài liệu; + Kiểm soát vận hành; + Chuẩn bị và đối phó với tình trạng khẩn cấp; - Kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện theo dõi và đo lường; + Đánh giá sự tuân thủ; + Điều tra sự cố, sự không phù hợp, hành động khắc phục và phòng ngừa; + Kiểm soát hồ sơ; + Các cải tiến liên tục đã đạt được. 	<ul style="list-style-type: none"> + Procurement <ul style="list-style-type: none"> ○ Contractors ○ Outsourcing - Emergency preparedness and response - Monitoring, measurement, analysis and performance evaluation - Evaluation of compliance - Incident, nonconformity and corrective action - Continual improvement <p>OHSAS 18001:2007:</p> <p>Planning:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hazard Identification, risk assessment and determining controls - Legal and Other Requirements (Include Regulatory Obligations) - Management of Objectives and Programs - Implementation and operation: <ul style="list-style-type: none"> + Training, Awareness and Competence; + Communication, participation, and consultation; + Documentation; + Control of Documents; + Operational Control + Emergency Preparedness and Response - Checking: <ul style="list-style-type: none"> + Performance Measurement and Monitoring. + Evaluation of compliance + Incident Investigation, nonconformity, corrective action and preventive action + Control of records + Achievement of continual improvement 	

Phát hiện đánh giá OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018 được chia thành 5 loại: Phù hợp; khuyến cáo (Ob); không phù hợp nhẹ (minor NC); không phù hợp nặng (major NC) và Tới hạn (Critical NC). Với mỗi loại được nhận diện và áp dụng chế tài sau/ Audit findings of OHSAS 18001:2007; ISO 45001:2018 are divided into 5 types: Conformities; Observations (OB); Minor Nonconformities (Minor NC), Major Nonconformities (major NC) and Critical Nonconformities (Critical NC). Each type is identified and dealt with as follows:

Loại phát hiện ĐG / Audit finding level	Mô tả / Description	Chế tài / Sanctions	
Phù hợp / Confo-rmity	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn / Compliant with the standard requirements	Chứng nhận / Certification Đạt yêu cầu / Satisfactory	Giám sát / Surveillance Đạt yêu cầu / Satisfactory
OB / Observation	+ Tại thời điểm đánh giá chưa đủ bằng chứng để kết luận đó là 1 điểm KPH /	Tổ chức không có nghĩa vụ phải thực hiện. Tuy nhiên,	Như chứng nhận / As certification

NỘI DUNG		Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
	<i>insufficient evidence to make a conclusion on a non-conformity at the audit time</i> + Là những kiến nghị cải tiến của chuyên gia về hệ thống quản lý OH&SMS của tổ chức ngày càng hoàn thiện hơn / <i>observatives by the experts to continue fulfilling the OH&SMS management system of the organization</i>	VICB sẽ xem xét các kiến nghị cải tiến này trong lần đánh giá giám sát gần nhất / <i>The organization have no implementation duty. However, VICB shall consider the observatives in the latest surveillance visit.</i>	
Sự KPH nhẹ / Mi-NC	+ Sự không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn nhưng không ảnh hưởng đến HTQL OH&SMS / <i>non-compliance with standard requirements, but does not cause effects on the system and product compliance;</i> + Sự không đáp ứng yêu cầu hệ thống tài liệu mà quý tổ chức đã thiết lập / <i>non-compliance with requirements of the documentation system that the organization have established;</i>	Tổ chức phải thực hiện hành động khắc phục. Chỉ cấp chứng chỉ sau khi HĐKP được chấp nhận. Có thể phải đánh giá bổ sung/ <i>The organization must take corrective actions. The certificate shall be issued only after the actions taken are accepted. The follow-up audit might be required.</i>	Tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HĐKP. HĐKP sẽ được thẩm tra tại lần đánh giá giám sát gần nhất / <i>The organization must make plan to implement corrective actions. The actions shall be verified at the latest surveillance visit</i>
Sự KPH nặng / Ma-NC	+ Là sự không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn gây ảnh hưởng đến HTQL OH&SMS / <i>non-compliance with standard requirements affecting the OH&SMS</i> + Có sự không phù hợp nhẹ mang tính hệ thống. Tình hệ thống là: có hơn 3 NC nhẹ tại một bộ phận hoặc có cùng 1 NC nhẹ trên 3 bộ phận / <i>There is systematic minor non-conformance. The systematic means having 3 minor non-conformities at one part or the same minor non-conformity on 3 parts;</i>	Cam kết thời điểm hoàn thành HĐKP tại cuộc họp kết thúc. Bắt buộc phải đánh giá bổ sung để thẩm tra HĐKP tại văn phòng hoặc tại hiện trường / <i>Commit the completing time for corrective actions at the closing meeting. The additional audit is required to verify the corrective actions at the office or on site</i>	Tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HĐKP, cam kết thời hạn hoàn thành và chuyển bằng chứng khi hoàn thành HĐKP. Đến thời điểm cam kết chưa hoàn thành HĐKP thì đình chỉ chứng chỉ / <i>The organization shall make plans for implementing the corrective actions, commit the completing time and send evidence of corrective action fulfillment. The certificate will be suspended if the actions are not taken until the committed time</i>
Sự KPH nghiêm trọng / Cr-NC	Là sự không tuân thủ yêu cầu của pháp luật liên quan đến OH&SMS mà tổ chức có nghĩa vụ phải thực hiện / <i>Not meeting the requirements of laws and regulations relating to OH&SMS that the organization is obliged to comply with.</i>	Dừng cuộc đánh giá. Chuyển sang thời điểm thích hợp / <i>Stopping auditing and arranging another suitable time for auditing</i>	Đình chỉ hiệu lực chứng chỉ cho đến khi có đủ bằng chứng đã tuân thủ / <i>Suspending the certificate until there is enough evidence of conformity.</i>

4.3 ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT / SURVEILLANCE AUDIT Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10 Lưu ý: Báo cáo đánh giá giám sát theo F00-23-01 - (OHSAS 18001:2007); F00-23-02 - (ISO 45001:2018)/ Note: Surveillance audit report by F00-23 01 - (OHSAS 18001:2007); F00-23-02 - (ISO 45001:2018).		Phòng chứng nhận/ Certification Dept; Chuyên gia đánh giá/ Auditor
4.4 ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG / FOLLOW UP AUDIT Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10		
4.5 ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG/NĂNG CẤP / EXTENDING/UPGRADING AUDIT Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10		
4.6 ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT / IRREGULAR AUDIT Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10		
4.7 ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI CHO ISO 45001:2018/ TRANSFER AUDIT FOR ISO 45001:2018 Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10		

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu/ Responsibility, Form
<p>Chuyên gia cần thực hiện đánh giá bổ sung các nội dung sau khi không tiến hành đánh giá sơ bộ và đưa thông tin vào báo cáo đánh giá chứng nhận giai đoạn 2/ Auditor need to perform additional assessment of the following when do not conduct a stage 1 assessment and include information in the Stage 2 certification report:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết của lãnh đạo/ Management commitment: (Các yêu cầu về luật định và yêu cầu khác/ Legal and Other Requirements (Include Regulatory Obligations); - Chính sách OH&SMS/ Occupational Health & Safety Policy; - Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức/ Organizational roles, responsibilities and authorities; - Sự tham gia và tham vấn của người lao động/ Consultation and participation of workers; - Hiểu rõ tổ chức và bối cảnh của tổ chức/ Understanding the organization and its context; - Hiểu về nhu cầu và mong đợi của người lao động và bên quan tâm khác/ Understanding the needs and expectations of workers and other interested parties; - Mục tiêu OH&SMS và hoạch định đạt mục tiêu/ OH&SMS objectives and planning to achieve them; - Đánh giá nội bộ/ Internal audit; - Xem xét của lãnh đạo/ Management review. 		
<p>4.8 ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN LẠI / RE-CERTIFICATION Thủ tục như V00-10 / Follow V00-10</p>		

5. TRÁCH NHIỆM, ĐÀO TẠO & NHẬN THỨC / RESPONSIBILITY, TRAINING AND AWARENESS

Như V00-10 / Follow V00-10

6. HỒ SƠ LƯU/ RECORD

Áp dụng các yêu cầu theo V00-10, ngoài ra/ Follow as V00-10, moreover:

TT	Hồ sơ / Profile	Mã HS / Profile Code	Nơi lưu / Location	Thời gian lưu / Retention time
1.	Báo cáo đánh giá OHSAS 18001 (giai đoạn1 , giai đoạn 2 , giám sát)/ OH&SMS audit report ((Stage 1, Stage 2, surveillance)	F00-23-01	CN	6 năm/years
2.	Báo cáo đánh giá OH&SMS (giai đoạn1 , giai đoạn 2 , giám sát)/ OH&SMS audit report ((Stage 1, Stage 2, surveillance)	F00-23-02	CN	6 năm/years

7. SỰ BẢO MẬT : / CONFIDENTIALITY:

Mọi thông tin liên quan tới KH phải được bảo mật hoàn toàn, đặc biệt là những thông tin liên quan tới chiến lược, hoạt động kinh doanh, công nghệ và thị trường của khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ phi có sự chấp thuận bằng văn bản của người có thẩm quyền của khách hàng đó hoặc luật pháp ngăn cấm/ Every information related to the client must be confidential, particularly the information concerning strategies, business activities, technology and marketing of the client during the contractual implementation, unless there is an agreement in writing by the client's authorized person or forbidden by law.

Khi cần cung cấp thông tin của khách hàng theo yêu cầu của pháp luật hay cơ quan chức năng, VICB sẽ thông báo cho khách hàng theo đường email hoặc bưu điện, hoặc điện thoại từ khi luật pháp hoặc cơ quan chức năng cấp không cho VICB thông báo cho khách hàng / When required by law or authorized by authority to release the confidential information of the client , VICB will notify the client by means of email, phone, post unless when this

is prohibited by law or authority.

8. PHỤ LỤC / ANNEX

Phụ lục 1: Cách tính manday (thời lượng) cuộc đánh giá OH&SMS / Annex 1: Determination of Audit time of OH&SMS (theo Bảng 1 của IAF MD 22:2018/ Table OH&SMS 1 – Occupational Health and Safety Management Systems)

Mối quan hệ giữa số nhân sự hữu dụng (thường trực, tạm thời, theo ca), mức độ rủi ro theo bảng phân loại code (Bảng 2) và thời gian đánh giá (chỉ cho chứng nhận lần đầu- gồm giai đoạn 1 + giai đoạn 2)/ Relationship between Effective Number of Personnel, Complexity Category of OH&SMS Risk and Audit Time (Initial Audit only – Stage 1 + Stage 2).

Nhân sự hữu dụng/ Effective Number of Personnel	Thời gian đánh giá/ Audit Time Stage 1 + Stage 2 (days)			Nhân sự hữu dụng/ Effective Number of Personnel	Thời gian đánh giá/ Audit Time Stage 1 + Stage 2 (days)		
	Cao/ High	Trung bình/ Med	Thấp/ Low		Cao/ High	Trung bình/ Med	Thấp/ Low
1-5	3	2.5	2.5	626-875	17	13	10
6-10	3.5	3	3	876-1175	19	15	11
11-15	4.5	3.5	3	1176-1550	20	16	12
16-25	5.5	4.5	3.5	1551-2025	21	17	12
26-45	7	5.5	4	2026-2675	23	18	13
46-65	8	6	4.5	2676-3450	25	19	14
66-85	9	7	5	3451-4350	27	20	15
86-125	11	8	5.5	4351-5450	28	21	16
126-175	12	9	6	5451-6800	30	23	17
176-275	13	10	7	6801-8500	32	25	19
276-425	15	11	8	8501-10700	34	27	20
426-625	16	12	9	>10700	Quyết định của GĐCN/ Determination of Certification Director		

Ghi chú 1: Số ngày công đánh giá tối thiểu cho một đơn vị trong cả hai giai đoạn là 2.5 mandays. Nếu sau khi tính toán kết quả là một số thập phân, thì số ngày công đánh giá nên được điều chỉnh thành nửa ngày gần nhất (Ví dụ: 5,3 mandays trở thành 5,5 mandays).

Ghi chú 2: Trong phạm vi chứng nhận cũng cần tính đến các nhà thầu, nhà thầu phụ nếu hoạt động của các đơn vị này là dưới sự kiểm soát của tổ chức được chứng nhận và có ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống OH&SMS của tổ chức đó.

Note 1: The starting point of the graph should be personnel of 1 attracting 2.5 days as above. If after the calculation the result is a decimal number, the number of days should be adjusted to the nearest half day (e.g.: 5.3 audit days becomes 5.5 audit days).

Note 2: When included within the scope of certification, it shall also include contractors/subcontractors personnel performing work or work-related activities that are under the control or influence of the organization, that can impact on the organization's OH&SMS performance.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa lĩnh vực kinh doanh và độ phức tạp của các yếu tố OH&SMS/ TABLE OH&SMS 2 - Examples of linkage between business sectors and Complexity Categories of OH&SMS Risks

Cấp độ rủi ro/ Complexity category of OH&SMS risk	Lĩnh vực kinh doanh	Business sector
Cao/ High	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh bắt cá (ngoài khơi, nạo vét ven biển và lặn) • khai thác mỏ và khai thác đá • sản xuất than cốc và các sản phẩm dầu mỏ tinh chế • khai thác dầu khí • thuộc da dệt may • nghiền một phần của sản xuất giấy bao gồm xử lý tái chế giấy • lọc dầu • hóa chất (bao gồm thuốc trừ sâu, chế tạo pin và ắc quy) và dược phẩm • sản xuất sợi thủy tinh • sản xuất, lưu trữ và phân phối khí • sản xuất và phân phối điện nguyên tử • lưu trữ số lượng lớn vật liệu nguy hiểm • gia công phi kim loại và các sản phẩm bao gồm gốm sứ, bê tông, xi măng, vôi, thạch cao, v.v. • sản xuất chính của kim loại • chế tạo kim loại nóng và lạnh • sản xuất và lắp ráp các cấu trúc kim loại • nhà máy đóng tàu (tùy thuộc vào các hoạt động có thể là trung bình) • ngành công nghiệp hàng không vũ trụ • ngành công nghiệp ô tô • sản xuất vũ khí và chất nổ • tái chế chất thải nguy hại • xử lý chất thải nguy hại và không nguy hại, ví dụ: thiêu hủy v.v. • xử lý nước thải và nước thải • xây dựng và phá hủy công nghiệp và dân dụng (bao gồm hoàn thành tòa nhà với các hoạt động lắp đặt điện, thủy lực và điều hòa không khí) • nhà giết mổ • vận chuyển và phân phối hàng nguy hiểm (bằng đường bộ, đường hàng không và nước) • hoạt động quốc phòng / quản lý khủng hoảng • y tế / bệnh viện / thú y / công trình xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> • fishing (offshore, coastal dredging and diving) • mining and quarrying • manufacture of coke and refined petroleum products • oil and gas extraction • tanning of textiles and clothing • pulping part of paper manufacturing including paper recycling processing • oil refining • chemicals (including pesticides, fabrication of batteries and accumulators), and pharmaceuticals • manufacturing of fibreglass • gas production, storage and distribution • electricity generation and distribution • nuclear • storage of large quantities of hazardous material • non-metallic processing and products covering ceramics, concrete, cement, lime, plaster, etc. • primary productions of metals • hot and cold forming and metal fabrication • manufacturing and assembly of metal structures • shipyards (depending on the activities could be medium) • aerospace industry • automotive industry • manufacturing of weapons and explosives • recycling of hazardous waste • hazardous and non-hazardous waste processing e.g. incineration etc. • effluent and sewerage processing • industrial and civil construction and demolition (including building completion with electrical, hydraulic and air conditioning installation activities) • slaughter houses • transport and distribution of dangerous goods (by land, air and water) • defence activities/crisis management healthcare/hospitals/veterinary/social works

<p>Trung bình/ Medium</p>	<p>Nuôi trồng thủy sản (chăn nuôi, nuôi và thu hoạch thực vật và động vật trong tất cả các loại môi trường nước)</p> <ul style="list-style-type: none"> • đánh bắt cá (đánh bắt xa bờ là cao) • nông nghiệp / lâm nghiệp (tùy thuộc vào các hoạt động có thể cao) • thực phẩm, đồ uống và thuốc lá - chế biến • hàng dệt may trừ việc thuộc da • sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ bao gồm sản xuất ván, xử lý / ngâm tẩm gỗ • sản xuất giấy và các sản phẩm giấy không bao gồm bột giấy • gia công phi kim loại và các sản phẩm bao gồm thủy tinh, gốm sứ, đất sét, v.v. • lắp ráp cơ khí nói chung • sản xuất các sản phẩm kim loại • xử lý bề mặt và hóa học khác cho các sản phẩm chế tạo kim loại trừ sản xuất chính và kỹ thuật cơ khí nói chung (tùy thuộc vào xử lý và kích thước của thành phần có thể cao) • sản xuất bảng mạch in trần cho ngành công nghiệp điện tử • ép phun cao su và nhựa, hình thành và lắp ráp • lắp ráp thiết bị điện và điện tử • sản xuất thiết bị vận tải và sửa chữa của chúng - đường bộ, đường sắt và đường hàng không (tùy thuộc vào kích thước của thiết bị, có thể cao) • tái chế, ủ phân, chôn lấp (chất thải không nguy hại) • truu tượng hóa nước, lọc và phân phối bao gồm quản lý sông (lưu ý xử lý nước thải thương mại được xếp loại cao) • bán buôn và bán lẻ nhiên liệu hóa thạch (tùy thuộc vào lượng nhiên liệu, có thể cao) • vận chuyển hành khách (bằng đường hàng không, đường bộ và đường biển) • vận chuyển và phân phối hàng hóa không nguy hiểm (bằng đường bộ, đường hàng không và nước) • vệ sinh công nghiệp, vệ sinh, giặt khô thường là một phần của dịch vụ kinh doanh tổng hợp • nghiên cứu & phát triển khoa học tự nhiên và kỹ thuật (tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh có thể cao). Kiểm tra kỹ thuật và phòng thí nghiệm • khách sạn, dịch vụ giải trí và dịch vụ cá nhân không bao gồm nhà hàng • dịch vụ giáo dục (tùy thuộc vào đối tượng của hoạt động giảng dạy có thể cao hay thấp) 	<ul style="list-style-type: none"> • aquaculture (breeding, rearing, and harvesting of plants and animals in all types of water environments) • fishing (offshore fishing is high) • farming/forestry (depending on the activities could be high) • food, beverage and tobacco – processing • textiles and clothing except for tanning • manufacturing of wood and wooden products including manufacturing of boards, treatment/impregnation of wood • paper production and paper products excluding pulping • non-metallic processing and products covering glass, ceramics, clay, etc. • general mechanical engineering assembly • manufacturing of metallic products • surface and other chemically based treatment for metal fabricated products excluding primary production and for general mechanical engineering (depending on the treatment and the size of the component could be high) • production of bare printed circuit boards for electronics industry • rubber and plastic injection moulding, forming and assembly • electrical and electronic equipment assembly • manufacturing of transport equipment and their repairs - road, rail and air (depending on the size of the equipment, could be high) • recycling, composting, landfill (of non-hazardous waste) • water abstraction, purification and distribution including river management (note commercial effluent treatment is graded as high) • fossil fuel wholesale and retail (depending on the amount of fuel, could be high) • transport of passengers (by air, land and sea) • transport and distribution of non-dangerous goods (by land, air and water) • industrial cleaning, hygiene cleaning, dry cleaning normally part of general business services • research & development in natural and technical sciences (depending on the business sector could be high). Technical testing and laboratories • hotels, leisure services and personal services excludes restaurants • education services (depending on the object of teaching activities could be high or low).
--------------------------------------	--	--

<p>Thấp/ Low</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động và quản lý doanh nghiệp, hq và quản lý các công ty mẹ • bán buôn và bán lẻ (tùy thuộc vào sản phẩm, có thể trung bình hoặc cao, Ví dụ. Nhiên liệu) • dịch vụ kinh doanh tổng hợp trừ dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vệ sinh, giặt khô và dịch vụ giáo dục). • vận chuyển và phân phối - dịch vụ quản lý không có đội tàu thực tế để quản lý • dịch vụ kỹ thuật (có thể là trung bình tùy thuộc vào loại dịch vụ) • dịch vụ viễn thông và bưu điện • nhà hàng và cắm trại • đại lý bất động sản thương mại, quản lý bất động sản • nghiên cứu & phát triển về khoa học xã hội và nhân văn • hành chính công, chính quyền địa phương • tổ chức tài chính, đại lý quảng cáo 	<ul style="list-style-type: none"> • corporate activities and management, HQ and management of holding companies • wholesale and retail (depending on the product, could be medium or high, e.g. fuel) • general business services except industrial cleaning, hygiene cleaning, dry cleaning and education services). • transport and distribution - management services with no actual fleet to manage • engineering services (could be medium depending on type of services) • telecommunications and post office services • restaurants and campings • commercial estate agency, estate management • research & development on social sciences and humanities • public administration, local authorities financial institutions, advertising agency
<p>Hết/End.</p>		